TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 384/2019/DS-PT

Ngày: 29/08/2019

V/v: *"Tranh chấp di sản thừa kế; yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Hoàng Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Cao Minh Trí, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 08 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 240/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 05 năm 2019 về việc "*Tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*";

Do bản án dân sự sơ thẩm số 91/2018/DS-ST ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1840/2019/QĐ-PT ngày 08/08/2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn:

Bà Lư Nguyệt N, sinh năm 1961 (có mặt);

Địa chỉ: 428 tổ 42, khóm Đông An 4, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Trần Văn NGH, Đoàn luật sư tỉnh An Giang (vắng mặt do có văn bản ghi ngày 23/08/2019 yêu cầu xét xử vắng mặt; Luật sư có gửi bản luận cứ bào chữa cho Bà Lư Nguyệt N được công khai tại phiên tòa phúc thẩm).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Bùi Văn T, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Địa chỉ: 220/1 Hà Hoàng Hổ, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang.

2.2. Ông Bùi Ngọc Đ, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Địa chỉ: 220/1B, đường Hà Hoàng Hổ, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang.

2.3. Ông Bùi Tấn B, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: 220/1C Hà Hoàng Hổ, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của Ông Bùi Tấn B (văn bản ủy quyền có sự chứng nhận của Văn phòng công chứng Nhựt Quang, thành phố LX, tỉnh An Giang vào ngày 01/08/2019):

Ông Huỳnh Thảo L, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: 119/2 Bùi Văn Danh, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Bùi Ngọc X, sinh năm 1948 (có mặt);

Địa chỉ: 1107/1 khóm Tây Khánh 6, phường Mỹ Hòa, thành phố LX, tỉnh An Giang.

3.2. Bà Bùi Thị Ngọc H, sinh năm 1952 (có mặt);

Địa chỉ: 42 Trần Hưng Đạo, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang.

3.3. Bà Bùi Thị Ngọc T1, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: 427 tổ 42, khóm Đông An 4, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang.

3.4. Ông Bùi Ngọc A, sinh năm 1953 (có mặt);

Địa chỉ: 220/1B Hà Hoàng Hổ, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang.

3.5. Bà Ngô Thị H1, sinh năm 1947 (vắng mặt);

3.6. Ông Bùi Tấn H2, sinh năm 1972 (vắng mặt);

3.7. Ông Bùi Tấn V, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: 220/1C Hà Hoàng Hổ, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của Ông Bùi Tấn V (văn bản ủy quyền có sự chứng nhận của Văn phòng công chứng Nhựt Quang, thành phố LX, tỉnh An Giang vào ngày 01/08/2019):

Ông Huỳnh Thảo L, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: 119/2 Bùi Văn Danh, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang.

3.8. Ông Nguyễn Văn D (Cường), sinh năm 1963 (vắng mặt);

Địa chỉ: 130, tổ 7, ấp An Thạnh, xã AMB, huyện UMT, tỉnh Cà Mau.

3.9. Bà Lư Nguyệt N2, sinh năm 1965 (vắng mặt);

3.10. Ông Lư Thanh B1, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: 810, tổ 2, ấp Vĩnh Hiệp, xã VK, huyện TS, tỉnh An Giang.

3.11. Ông Lư Thanh T2(vắng mặt);

Địa chỉ: 111 Chi Lăng, phường VB, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

3.12. Bà Nguyễn Thị Kim T3 (vắng mặt);

3.13. Bà Nguyễn Thị Bích T4 (vắng mặt);

3.14. Bà Nguyễn Thị T5 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: 220/1 Hà Hoàng Hổ, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang.

3.15. Ông Nguyễn Tấn Đ1, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: khu vực Phước Lộc, phường TL, quận TN, thành phố Cần Thơ.

3.16. Bà Dương Thị Bích L2, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Vĩnh Hiệp, xã VK, huyện TS, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của Ông Nguyễn Tấn Đ1 và Bà Dương Thị Bích L2 (văn bản ủy quyền có sự chứng nhận của Văn phòng công chứng Nhựt Quang, thành phố LX, tỉnh An Giang vào các ngày 16/07/2019 và 24/07/2019):

Bà Hồ Hoàng P, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: 82 bis Trần Hưng Đạo, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang.

3.17. Văn phòng công chứng Long Xuyên;.

Người đại diện hợp pháp của Văn phòng Công chứng Long Xuyên:

Ông Dương BL, là Trưởng Văn phòng (vắng mặt).

3.18. Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố LX, tỉnh An giang:

Ông Phạm TT, là Chủ tịch (vắng mặt).

3.19. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang (vắng mặt do có văn bản số 1932/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 22/07/2019 yêu cầu xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo:

4.1.Ông Bùi Tấn B, là bị đơn,

4.2.Bà Bùi Ngọc X và Ông Bùi Tấn V, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn là Bà Lư Nguyệt N trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Ông bà ngoại của Bà Lư Nguyệt N, là ông Bùi Văn T6 (chết vào năm 1989) và bà Phạm Thị T7 (chết vào năm 2011) có 07 người con kể tên như sau:

-Ông Bùi Tấn L3 (đã chết), có 03 người con là Ông Bùi Tấn H2, Ông Bùi Tấn V, Ông Bùi Tấn B;

-Bà Bùi Thị Ngọc H2 (đã chết), có 08 người con là: Bà Lư Nguyệt N, Ông Nguyễn Văn D (Cường), bà Lư Nguyệt N2 (Hoa), ông Lư Thanh T2, Ông Lư Thanh B1, Bà Nguyễn Thị Kim T3, Bà Nguyễn Thị Bích T4, Bà Nguyễn Thị T5;

-Bà Bùi Ngọc X;

-Bà Bùi Thị Ngọc H;

-Ông Bùi Ngọc A;

-Ông Bùi Văn T;

-Bà Bùi Thị Ngọc T1.

Ông T6 và bà T7 chết, không để lại di chúc. Di sản của Ông T6-bà T7 để lại là phần đất có diện tích 191,60m^2 tọa lạc tại khóm Đông An 1, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02385/QSDĐ/Ad ngày 15/01/2002 do UBND tỉnh An Giang cấp cho bà T7).

Tại văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 28/05/2010, bà T7 cùng các người con (là ông L3, bà X, bà H, ông A, ông T, bà T1) thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của Ông T6 để lại (là 50% giá trị quyền sử dụng phần đất có diện tích 191,60m^2 nói trên) cho bà T7 được toàn quyền đứng tên và định đoạt. Tuy nhiên, các anh, chị, em của bà N (là những người thừa kế thế vị của bà H3) không được mời tham gia ký kết văn bản thỏa thuận ngày 28/05/2010.

Vào ngày 29/05/2010, bà T7 ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông L3 (hợp đồng có chứng nhận của Văn phòng Công chứng Long Xuyên) và chuyển quyền sử dụng đất cho những người khác, thì phần đất nói trên chỉ có diện tích thực tế đo đạc là 174,30m^2, đã phân chia như sau:

-Ông Bùi Văn T được chia 75m^2 đất, thửa đất số 109, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại phường MX, thành phố LX và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00194 ngày 27/08/2010;

-Ông Bùi Ngọc Đ (con của Ông Bùi Ngọc A) được chia 56,1m^2 đất, thửa đất số 631, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại phường MX, thành phố LX và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS05928 ngày 31/08/2016.

-Ông Bùi Tấn L3 được chia 43,2m^2 đất, thửa đất số 632, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại phường MX, thành phố LX và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00196 ngày 27/8/2010.

Sau khi ông L3 chết (vào ngày 13/04/2015), thì vào ngày 02/02/2016, bà H1 (vợ ông L3) và các người con (là ông H2, ông V, ông B) cùng ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, để lại 43,2m^2 đất nói trên cho ông B; đương sự đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05795 ngày 21/03/2016.

Vào ngày 17/03/2017, ông B ký hợp đồng, chuyển nhượng phần đất trên cho Ông Nguyễn Tấn Đ1 và Bà Dương Thị Bích L2; ông Đ1, bà L2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS06095 ngày 24/04/2017.

Với những tình tiết nói trên, bà N khởi kiện, yêu cầu được chia di sản mà Ông T6-bà T7 để lại, theo quy định của pháp luật; bà N yêu cầu được nhận di sản tính bằng tiền. Bà N cũng yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với văn bản phân chia di sản thừa kế giữa bà T7 với ông L3, ông A, ông T, bà X, bà H và bà T1 do văn phòng công chứng Long Xuyên chứng nhận ngày 28/5/2010 và hợp đồng tặng cho tài sản giữa bà T7 với ông L3, ông A và ông T do văn phòng Công chứng Long Xuyên chứng nhận ngày 29/5/201, yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đây: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00194 ngày 27/08/2010 cấp cho ông T; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS05928 ngày 31/08/2016 cấp cho ông Đức; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05795 ngày 21/03/2016 cấp cho ông B, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS06095 ngày 24/04/2017 cấp cho ông Đ1-bà L2. Về những căn nhà gắn liền với đất, bà N không tranh chấp.

Bị đơn là Ông Bùi Văn T và Ông Bùi Ngọc Đ trình bày ý kiến như sau:

Ông T thừa nhận về hàng thừa kế và di sản thừa kế như bà N đã trình bày trên. Ông T đồng ý chia di sản thừa kế theo yêu cầu của bà N, bởi vì khi bà T7 và các con thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của Ông T6 và tài sản của bà T7, đã bỏ sót những người thừa kế thế vị của bà H3 (đã chết). Đối với yêu cầu của bà N đòi tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là Ông Bùi Tấn B không cung cấp lời khai và chứng cứ cho Tòa án khi giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến như sau:

Bà Bùi Ngọc X, Bà Bùi Thị Ngọc H, Ông Bùi Ngọc A, Ông Bùi Văn T, Bà Bùi Thị Ngọc T1 thừa nhận rằng về hàng thừa kế, về di sản thừa kế, là đúng như

bà N đã trình bày. Các đương sự đồng ý chia di sản thừa kế theo yêu cầu của bà N, bởi vì khi bà T7 và các con thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của Ông T6 và tài sản của bà T7, đã bỏ sót những người thừa kế thế vị của bà H3 (đã chết). Đối với yêu cầu của bà N đòi tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các đương sự đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Tấn Đ1 và Bà Dương Thị Bích L2, do Bà Hồ Hoàng P làm người đại diện hợp pháp, trình bày ý kiến như sau:

-Vào ngày 17/03/2017, ông Đ1 và bà L2 ký kết hợp đồng để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất diện tích 43,2m^2, thửa đất số 632, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại phường MX, thành phố LX của ông B với giá tiền là 1.450.000.000 đồng.

Ông Đ1 - bà L2 đã nhận đất, sử dụng ổn định và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CS06095 ngày 24/04/2017. Vì vậy, ông Đ1-bà L2 không đồng ý với yêu cầu của bà N đòi hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đ1-bà L2.

Tại công văn số 4761/UBND-NC ngày 09/11/2017, UBND thành phố LX, tỉnh An Giang trình bày ý kiến như sau:

-Do điều kiện công tác, Chủ tịch UBND thành phố LX không thể tham gia tố tụng tại Tòa án. Vì vậy, Chủ tịch UBND thành phố LX yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án các cấp.

Tại công văn số 1498/STNMT-VPĐKĐ ngày 30/5/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang trình bày ý kiến như sau:

-Sở Tài nguyên và Môi trường cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Bùi Tấn B với diện tích 43,2m^2, thửa đất số 632, tờ bản đồ số 12, mục đích sử dụng đất ở tại đô thị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05795 ngày 21/03/2016; cấp đổi cho Ông Bùi Ngọc Đ với diện tích 56,1m^2, thửa đất số 631, tờ bản đồ số 12, mục đích sử dụng đất ở tại đô thị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05928 ngày 31/08/2016.

Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định rằng khi người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản thực hiện các quyền của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất mà phải cấp mới giấy chứng nhận thì cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là Sở Tài nguyên và Môi trường. Theo quy định này thì việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang thực hiện cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của Ông Bùi Ngọc Đ, Ông Bùi Tấn B là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cũng yêu cầu được vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

Bà Ngô Thị H1, Ông Bùi Tấn H2, Ông Bùi Tấn V, Ông Nguyễn Văn D (Cường), bà Lư Nguyệt N2, Ông Lư Thanh B1, Bà Nguyễn Thị Kim T3, Bà Nguyễn Thị Bích T4, Bà Nguyễn Thị T5, Văn phòng Công chứng Long Xuyên không cung cấp lời khai và chứng cứ cho Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 91/2018/DS-ST ngày 09/10/2018, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định như sau:

Căn cứ vào Khoản 5; Khoản 11 Điều 26; Khoản 4 Điều 34; Điểm a Khoản 1 Điều 37; Điểm a Khoản 1 Điều 38; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 138; Điều 140; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lư Nguyệt N yêu cầu được chia di sản thừa kế của ông Bùi Văn T6, chết năm 1989.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lư Nguyệt N yêu cầu được chia di sản thừa kế của bà Phạm Thị T7, chết năm 2011.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Bùi Văn T6 (chết vào năm 1989) và bà Phạm Thị T7 (chết vào năm 2011) là 07 người con, gồm có: (1)Ông Bùi Tấn L3 (đã chết) có 3 người con là Ông Bùi Tấn H2, Ông Bùi Tấn V, Ông Bùi

Tấn B; (2)Bà Bùi Thị Ngọc H2 (đã chết) có 8 người con là Bà Lư Nguyệt N, Ông Nguyễn Văn D (Cường), bà Lư Nguyệt N2 (Hoa), ông Lư Thanh T2, Ông Lư Thanh B1, Bà Nguyễn Thị Kim T3, Bà Nguyễn Thị Bích T4, Bà Nguyễn Thị T5; (3)Bà Bùi Ngọc X; (4)Bà Bùi Thị Ngọc H; (5)Ông Bùi Ngọc A; (6)Ông Bùi Văn T; (7)Bà Bùi Thị Ngọc T1.

Xác định di sản thừa kế của ông Bùi Văn T6 để lại có giá trị là 790.550.000 đồng, được chia theo pháp luật cho 7 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của Ông T6. Vì vậy, những người thừa kế thế vị của Bà Bùi Thị Ngọc H2 được hưởng 01 suất thừa kế là 112.935.000 đồng.

Cách phân chia cụ thể như sau:

-Ông Bùi Văn T được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 75m^2, thửa đất số 109, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00194 ngày 27/08/2010 và có nghĩa vụ giao lại cho các người con của Bà Bùi Thị Ngọc H2 (đã chết) gồm có: Bà Lư Nguyệt N, Ông Nguyễn Văn D (Cường), bà Lư Nguyệt N2 (Hoa), ông Lư Thanh T2, Ông Lư Thanh B1, Bà Nguyễn Thị Kim T3, Bà Nguyễn Thị Bích T4, Bà Nguyễn Thị T5 số tiền 5.357.000 đồng;

- Ông Bùi Ngọc Đ được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 56,1m^2, thửa đất số 631, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS05928 ngày 31/8/2016 và có nghĩa vụ giao lại cho các con của Bà Bùi Thị Ngọc H2 (đã chết) gồm Bà Lư Nguyệt N, Ông Nguyễn Văn D (Cường), bà Lư Nguyệt N2 (Hoa), ông Lư Thanh T2, Ông Lư Thanh B1, Bà Nguyễn Thị Kim T3, Bà Nguyễn Thị Bích T4, Bà Nguyễn Thị T5, số tiền là 4.007.000 đồng;

-Ông Bùi Tấn B, Ông Bùi Tấn H2, Ông Bùi Tấn V được quản lý, sử dụng phần đất diện tích 43,2m^2, thửa đất số 632, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại phường MX, thành phố LX (nhưng phần đất này đã chuyển nhượng quyền sử dụng cho Ông Nguyễn Tấn Đ1 và Bà Dương Thị Bích L2 theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/03/2017; ông Đ1, bà L2 đã được cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CS06095 ngày 24/04/2017);

Ông Bùi Tấn B, Ông Bùi Tấn H2, Ông Bùi Tấn V cùng phải có nghĩa vụ liên đới giao lại cho các con của Bà Bùi Thị Ngọc H2 (đã chết) gồm Bà Lư Nguyệt N, Ông Nguyễn Văn D (Cường), bà Lư Nguyệt N2 (Hoa), ông Lư Thanh T2, Ông Lư Thanh B1, Bà Nguyễn Thị Kim T3, Bà Nguyễn Thị Bích T4, Bà Nguyễn Thị T5, số tiền 103.571.000 đồng;

-Không chấp nhận yêu cầu của Bà Lư Nguyệt N đòi tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 28/05/2010 và hợp đồng tặng cho tài sản ngày 29/5/2010, là vô hiệu;

-Không chấp nhận yêu cầu của Bà Lư Nguyệt N đòi hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00194 ngày 27/08/2010 cấp cho Ông Bùi Văn T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS05928 ngày 31/8/2016 cấp cho Ông Bùi Ngọc Đ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS05795 ngày 21/3/2016 cấp cho Ông Bùi Tấn B và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS06095 ngày 24/04/2017 cấp cho Ông Nguyễn Tấn Đ1, Bà Dương Thị Bích L2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/10/2018, Ông Bùi Tấn V có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án;

Ngày 29/10/2018, Ông Bùi Tấn B có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm về phần xác định giá trị nhà, đất mà đương sự đã chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Tấn Đ1, Bà Dương Thị Bích L2;

Ngày 31/10/2018, Bà Bùi Ngọc X có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần bản án sơ thẩm về việc giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người kháng cáo là Ông Bùi Tấn V, Ông Bùi Tấn B, do Ông Huỳnh Thảo L làm người đại diện, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì lý do như sau:

-Tòa án cấp sơ thẩm lấy giá trị đất mà Ông Bùi Tấn B chuyển nhượng cho ông Đ1-bà L2 để làm căn cứ buộc các đương sự Bùi Tấn Hùng, Bùi Tấn Bền và Bùi Tấn Vững liên đới trả lại tiền (giá trị di sản) cho những người thừa kế thế vị của Bà Bùi Thị Ngọc H2, là không đúng pháp luật bởi những lý do sau đây: (1)phần di sản mà cha của các đương sự (là Ông Bùi Tấn L3) được hưởng từ di sản của ông Bùi Văn T6, là đất trống, không có kiến trúc trên đất. Sau khi nhận đất, ông L3 mới xây dựng nhà trên phần đất được chia. Nhưng khi xác định giá trị làm căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không trừ giá trị phần nhà (là tài sản riêng của cha-mẹ các đương sự) mà tính gộp chung giá trị nhà-đất để phân chia, là không đúng; (2)các Ông Bùi Tấn H2, Ông Bùi Tấn V không nhận di sản thừa kế nên không thể có nghĩa vụ trả lại một phần di sản thừa kế (của Ông T6) cho những người thừa kế thế vị của Bà Bùi Thị Ngọc H2.

Ngoài ra, người đại diện của Ông Bùi Tấn B, Ông Bùi Tấn V còn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại tư cách tham gia tố tụng của Bà Lư Nguyệt N (xem xét lại có phải là con của Bà Bùi Thị Ngọc H2 hay không);

Người kháng cáo là Bà Bùi Ngọc X yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại quyền lợi của đương sự theo quy định của pháp luật thừa kế (yêu cầu được hưởng thừa kế di sản của ông Bùi Văn T6).

Nguyên đơn Bà Lư Nguyệt N yêu cầu Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bà Lư Nguyệt N, là Luật sư Trần Văn Nghĩa, Đoàn Luật sư tỉnh An Giang, có văn bản ghi ngày 23/08/2019 yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Luật sư có gửi bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bà Lư Nguyệt N, ghi ngày 23/08/2019; tài liệu này được đọc công khai tại phiên tòa phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Nguyễn Tấn Đ1, Bà Dương Thị Bích L2, do Bà Hồ Hoàng P làm người đại diện, yêu cầu Tòa án

công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã xác lập vào ngày 17/03/2017 các giữa đương sự và Ông Bùi Tấn B.

Những đương sự khác không kháng cáo, vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nhưng họ không có văn bản nào khác thay đổi ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến như sau:

Về tố tụng: Tòa án và các đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều sai sót về thủ tục tố tụng, cụ thể như sau:

-Nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu chia thừa kế đối với nhà và đất tại địa chỉ 220/1C khóm Đông An 4, phường MX, thành phố LX. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm mới chỉ chia về giá trị đất, chưa xem xét về giá trị căn nhà (là di sản của ai ông Bùi Văn T6 để lại);

-Đối với phần di sản mà Ông Bùi Tấn L3 được hưởng từ di sản của ông Bùi Văn T6-bà Phạm Thị T7: phần di sản này được người vợ của Ông Bùi Tấn L3 (là Bà Ngô Thị H1) và các người con (là các đương sự Bùi Tấn Hùng, Bùi Tấn Bền, Bùi Tấn Vững), đồng ý chuyển nhượng lại cho Ông Bùi Tấn B. Tòa án cấp sơ thẩm buộc cả Ông Bùi Tấn H2 và Ông Bùi Tấn V liên đới trả lại một phần giá trị di sản, cho những người con của Bà Bùi Thị Ngọc H2, là không đúng pháp luật.

(có tài liệu kèm theo).

Với những ý kiến nói trên, đại diện Viện Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã có những thiếu sót như sau:

[1.1]Về việc xác định mối quan hệ thừa kế:

Ông Bùi Văn T6 (chết vào năm 1989) và bà Phạm Thị T7 (chết vào năm 2011) là vợ-chồng, có 07 người con, kể tên như sau:

-Ông Bùi Tấn L3 (đã chết); ông L3 có 03 người con là Ông Bùi Tấn H2, Ông Bùi Tấn V và Ông Bùi Tấn B;

-Bà Bùi Thị Ngọc H2 (đã chết vào năm 2004); bà H3 có 08 người con là: Bà Lư Nguyệt N, Ông Nguyễn Văn D (Cường), bà Lư Nguyệt N2 (Hoa), ông Lư Thanh T2, Ông Lư Thanh B1, Bà Nguyễn Thị Kim T3, Bà Nguyễn Thị Bích T4 và Bà Nguyễn Thị T5;

-Bà Bùi Ngọc X;

-Bà Bùi Thị Ngọc H;

Ông Bùi Ngọc A;

-Ông Bùi Văn T;

-Bà Bùi Thị Ngọc T1.

Trong những người con của ông Bùi Văn T6 và bà Phạm Thị T7, có bà Bùi Ngọc Hạnh, chết vào năm 2004.

Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về "*Thừa kế thế vị*" như sau: "*Trường hợp con của người để lại di sản chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ cháu được hưởng nếu còn sống*;"

So sánh về thời gian, thì Bà Bùi Thị Ngọc H2 chết sau ông Bùi Văn T6 (ông Bùi Văn T6 chết vào năm 1989). Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định rằng những chỉ những có người con của bà Bùi Ngọc Hạnh mới được hưởng thừa kế và là người thừa kế thế vị đối với di sản của ông Bùi Văn T6, chiếu theo Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015, là không đúng pháp luật. Điều này có thể dẫn đến việc Tòa án xác định không đúng và không đủ người thừa kế theo luật định, cụ thể như sau: -trường hợp không phải là thừa kế thế vị (đối với di sản của ông Bùi Văn T6), thì người chồng của Bà Bùi Thị Ngọc H2, nếu còn sống vào thời điểm mở thừa kế di sản của Bà Bùi Thị Ngọc H2, sẽ là người thừa kế cùng hàng với những người con, cùng được hưởng phần di sản mà

Bà Bùi Thị Ngọc H2 được hưởng từ di sản của ông Bùi Văn T6. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định rõ chồng của Bà Bùi Thị Ngọc H2 là ai và hiện nay, còn sống hay đã mất?

[1.2]Về việc xác định những người cùng hàng thừa kế:

Ông Bùi Văn T6 chết vào năm 1989; bà Phạm Thị T7 chết vào năm 2011. Tòa án cấp sơ thẩm xác định rằng tại thời điểm mở thừa kế của ông Bùi Văn T6, có 07 người thừa kế thuộc vào hàng thừa kế thứ nhất.

Kết luận của Tòa án cấp sơ thẩm nói trên là không đúng pháp luật về thừa kế, lý do như sau:

-Ông Bùi Văn T6 chết vào năm 1989. Tại thời điểm mở thừa kế, bà Phạm Thị T7 (là người vợ) và 07 người con của ông Bùi Văn T6-bà Phạm Thị T7 đều còn sống. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của ông Bùi Văn T6 phải gồm có người vợ và 07 người con, tổng cộng là 08 người.

[1.3]Về việc xác định giá trị của di sản:

Di sản của ông Bùi Văn T6-bà Phạm Thị T7 là quyền sử dụng phần đất có diện tích 191,6m^2 tại khóm Đông An 1, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số (số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) 02385 ngày 15/01/2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp.

Về thực tế, hiện nay quyền sử dụng đất nói trên chỉ còn lại 174,30m^2 và đã được bà Phạm Thị T7 phân chia cho 03 người con, cụ thể như sau:

-Ông Bùi Văn T (là một trong 07 người con của ông Bùi Văn T6-bà Phạm Thị T7) sử dụng phần đất có diện tích 75m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC651637 ngày 27/08/2010 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp;

-Ông Bùi Ngọc Đ (là người con của Ông Bùi Ngọc A; Ông Bùi Ngọc A là một trong 07 người con của ông Bùi Văn T6-bà Phạm Thị T7) sử dụng phần đất có diện tích 56,1m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ690230 ngày 31/08/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp;

-Ông Bùi Tấn L3 (là một trong 07 người con của ông Bùi Văn T6-bà Phạm Thị T7) sử dụng phần đất diện tích 43,2m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC651639 ngày 27/08/2010 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp.

Sau khi Ông Bùi Tấn L3 chết, vào ngày 02/02/2016 Bà Ngô Thị H1 (là người vợ của Ông Bùi Tấn L3) và các người con là Ông Bùi Tấn H2, Ông Bùi Tấn V và Ông Bùi Tấn B cùng ký văn bản phân chia di sản thừa kế, đồng ý để lại phần đất này cho Ông Bùi Tấn B; Ông Bùi Tấn B đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB145614 ngày 21/03/2016.

Vào ngày 17/03/2017, Ông Bùi Tấn B ký hợp đồng, chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất nói trên cho Ông Nguyễn Tấn Đ1 và Bà Dương Thị Bích L2. Hiện nay Ông Nguyễn Tấn Đ1-Bà Dương Thị Bích L2 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CG597642 ngày 24/04/2017.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác định giá trị di sản nói trên, như sau:

Tại biên bản định giá ngày 29/08/2017, Hội đồng định giá do Tòa án cấp sơ thẩm thành lập đã định giá như sau:

-43,2m^2 đất chia cho Ông Bùi Tấn B là: 5.000.000 đồng/m^2 đất ở vị trí 1; 1.000.000 đồng/m^2 đất ở vị trí 2 nhưng không xác định cụ thể có bao nhiêu m^2 đất vị trí 1 và vị trí 2;

-75m^2 đất chia cho Ông Bùi Văn T là: 5.000.000 đồng/m^2 đất ở vị trí 1; 1.000.000 đồng/m^2 đất ở vị trí 2 nhưng không xác định cụ thể có bao nhiêu m^2 đất vị trí 1 và vị trí 2;

-56,1m^2 đất chia cho Ông Bùi Ngọc Đ là: 5.000.000 đồng/m^2 đất ở vị trí 1; 1.000.000 đồng/m^2 đất ở vị trí 2 nhưng không xác định cụ thể có bao nhiêu m^2 đất vị trí 1 và vị trí 2.

Khi xác định giá trị di sản, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tất cả đất của Ông Bùi Văn T, Ông Bùi Ngọc Đ đều có giá trị là 1.000.0000 đồng/m^2. Riêng phần đất 43,2m^2 thì tính giá trị theo giá mà Ông Bùi Tấn B chuyển nhượng cho Ông

Nguyễn Tấn Đ1-Bà Dương Thị Bích L2 vào ngày 17/03/2017, là 1.450.000.000 đồng.

Cách xác định giá trị di sản tranh chấp như trên là không đúng, lý do như sau:

-Giá trị tài sản tranh chấp là giá trị do Hội đồng định giá xác định tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Đối với những tài sản không còn hiện hữu (đã chuyển nhượng lâu, không thể định giá) thì mới căn cứ giá trị thực tế mà đương sự đã chuyển nhượng, để giải quyết vụ án;

-Biên bản định giá ngày 29/08/2017 thể hiện rằng trên phần đất 43,2m^2, có phần nhà xây dựng, là tài sản của bên Ông Bùi Tấn B. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá trị di sản theo giá Ông Bùi Tấn B chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Tấn Đ1-Bà Dương Thị Bích L2, bao gồm cả giá trị nhà (là phần tài sản của riêng Ông Bùi Tấn B) và giá trị đất (giá trị nguyên thủy của di sản ông Bùi Văn T6), để làm căn cứ giải quyết vụ án, là không đúng.

Mặt khác, để bảo đảm sự công bằng của đương sự trước pháp luật trong cùng vụ án, nếu lấy giá trị theo Hội đồng định giá, thì tất cả di sản đều phải lấy theo giá trị của Hội đồng đã xác định, không thể phân chia di sản thành 02 loại: (1)loại di sản xác định theo giá trị do Hội đồng xác định; (2)loại di sản xác định giá trị theo sự chuyển nhượng của đương sự cho người khác, để giải quyết vụ án.

Trên cơ sở xác định đúng giá trị di sản, thì Tòa án căn cứ vào tỷ lệ mà đương sự đã được hưởng thực tế, để buộc họ trả lại phần thừa kế đã nhận lớn hơn, cho người thừa kế chưa được hưởng di sản.

[2]Những sai sót nói trên, Tòa án cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 293; Điều 308; Điều 310; Điều 313 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

1/Hủy bản án sơ thẩm số 91/2018/DSST ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết lại vụ án.

2/Về án phí phúc thẩm: Đương sự không phải chịu.

Trả lại cho Ông Bùi Tấn V, Ông Bùi Tấn B và Bà Bùi Ngọc X, mỗi đương sự số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo các biên lai của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang có số như sau: 0012382 ngày 29/10/2018; 0012383 ngày 29/10/2018; 0012395 ngày 02/11/2018.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA**

Trần Văn Mười-Hoàng Thanh Dũng Phan Thanh Tùng